TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHÚC YÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 26/2021/HS-ST Ngày 28 - 01 - 2021	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Luyến và bà Phan Thị Nhung;

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phúc Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2021/TLST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/TLST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Văn D, sinh ngày 02/4/1994, tại Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại: Thôn V, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Phạm Văn V và con bà Nguyễn Thị H; có vợ và 02 con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/10/2020 đến nay, có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1973

Địa chỉ: Xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt;

* Người chứng kiến:

Anh Đào Anh T, sinh năm 1983, vắng mặt;

Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1973, vắng mặt;

Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1994, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn D là đối tượng nghiện ma túy; khoảng 19 giờ 00 phút ngày 09/10/2020, Nguyễn Văn M là người ở cùng xã đến rủ Phạm Văn D đi đến thành phố Phúc Yên gặp bạn tên là L. D đồng ý, M điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát (BKS) 88S5 - 2314 chở D đến khu vực nghĩa trang xã C, thành phố Phúc Yên thì gặp L đang đi bộ trên đường. Phạm Văn D, Nguyễn Văn M và L đứng nói chuyện trên đường được một lúc, L sử dụng điện thoại của L gọi điện thoại trao đổi, hỏi mua ma túy của một người người đàn ông không xác định được tên, tuổi, địa chỉ. Sau đó L lấy điện thoại của D có lắp sim số 0352146792 gọi vào số máy của người đàn ông trên, nhưng do máy của D hết tiền nên không liên lạc được. L đưa cho D 300.000đ và bảo D đi mua ma túy để sử dụng. D hiểu và cầm tiền L đưa để đi mua ma túy của người mà L vừa gọi điện. Lúc này có một số điện thoại lạ gọi vào máy của D, D nghe máy thì đầu dây bên kia hỏi "mày đang ở đâu" D trả lời "Em đang ở đầu làng Đ", D và người đàn ông này hẹn gặp nhau ở khu vực cổng làng Đ để mua bán ma túy. Tiếp đó, D tự ý lấy xe mô tô Biển kiểm soát 88S5 - 2314 của M đi đến khu vực cổng làng Đ, xã C để mua ma túy. Khi đi đến nơi D gặp một người đàn ông không quen biết đang đứng ở ven đường, thấy D người này nói "để xe lại lên xe đi cùng tao". D để xe ở ven đường rồi ngồi lên xe của người đàn ông. Người đàn ông này chở D đi một đoạn rồi bảo D đưa tiền, D đưa 300.000đ thì được người đàn ông này bán cho 01 túi ma túy đá được bọc bên ngoài là một vỏ bao thuốc lá Thăng long màu vàng. Khoảng 20 giờ cùng ngày khi D cầm túi ma túy ở lòng bàn tay phải đi bộ quay lại chỗ để xe mô tô, thì bị Công an phát hiện, bắt quả tang cùng vật chứng, người bán ma túy cho D thì bỏ chạy không bắt giữ được.

*Vật chứng thu giữ gồm:

Thu tại lòng bàn tay phải của D 01 túi nilon màu trắng viền xanh bên trong chứa các tinh thể dạng đá, được bọc bên ngoài là một vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu vàng, niêm phong trong phong bì ký hiệu A1. D khai nhận là ma túy mua để sử dụng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 130 màu đen, đã cũ và 01 chiếc xe mô tô BKS 88S5 – 2314.

Tại bản kết luận giám định số: 2615/KLGĐ ngày 13/10/2020 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định và kết luận:

"1. Tinh thể dạng đá màu trắng của mẫu ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,3480 g loại Methamphetamine."

Hoàn lại đối tượng giám định: A1= 0,3317gam cùng toàn bộ bao gói.

Đối với chiếc xe mô tô BKS: 88S5 – 2314, Cơ quan điều tra đã làm rõ là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Văn H, là bố đẻ của Nguyễn Văn M. Ông H không biết, không liên quan đến hành vi phạm tội của Phạm Văn D, Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô cho ông H.

Đối với đối tượng tên L là người đưa tiền cho D đi mua ma túy và người nam giới bán ma túy cho D, Cơ quan điều tra đã tiến hành rà soát, xác minh tại xã C, thành phố Phúc Yên nhưng chưa xác định được người có tên, đặc điểm như bị cáo D mô tả, tiếp tục làm rõ xử lý sau.

Đối với Nguyễn Văn M không biết, không bàn bạc, không đóng góp tiền để D đi mua ma túy. Lúc lấy xe mô tô nêu trên đi mua ma túy D tự ý lấy xe không hỏi mượn, nên không đề cập việc xử lý.

Tại cơ quan điều tra, cũng như tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn D đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình, như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên đã truy tố.

Tại Cáo trạng số: 05/CT - VKSPY ngày 07 tháng 01 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên truy tố bị cáo D về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo D phạm tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Sau khi đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 09/10/2020. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo và đề nghị xử lý vật chứng như Cáo trạng đã đề cập.

Sau khi thẩm tra các chứng cứ có trong hồ sơ, nghe lời khai của bị cáo, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Phúc Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo Phạm Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên đã truy tố. Xét lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của người có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến, Biên bản phạm tội quả tang, Kết luận giám định và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu giữ hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 09/10/2020, tại thôn Đ, xã C, thành phố Phúc Yên, với mục đích để sử dụng Phạm Văn D đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,3480g ma túy Methamphetamine thì bị Công an thành phố Phúc Yên bắt quả tang.

Hành vi nêu trên của bị cáo D đã phạm vào tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy" được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự như sau:

"1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy…thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

…….

c) ……..Methamphetamine có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam".

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc truy tố bị cáo theo Cáo trạng số: 05/CT – VKSPY ngày 07 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách thống nhất quản lý của Nhà nước về chất ma túy. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân, tính chất vụ án và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Bị cáo học hết lớp 12 thì nghỉ học, nghiện ma túy từ năm 2017, bị cáo chưa có tiền án tiền sự. Trong quá trình điều tra truy tố xét xử bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm của mình, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, cần phải áp dụng hình phạt tù giam như đề xuất của Viện kiểm sát mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra và làm rõ tại phiên tòa bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy với mục đích để sử dụng, hiện bị cáo không có tài sản, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Vì vậy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền với bị cáo là phù hợp.

[6] Đối với đối người phụ nữ tên L đã người đưa tiền cho D đi mua ma túy và người nam giới bán ma túy cho; Cơ quan điều tra đã tiến hành rà soát, xác minh tại xã C, thành phố Phúc Yên nhưng chưa xác định được người có tên, đặc điểm như bị cáo D mô tả, tiếp tục làm rõ xử lý sau là phù hợp.

Đối với Nguyễn Văn M không biết, không bàn bạc và không đóng góp tiền để bị cáo D đi mua ma túy. Bị cáo D tự ý lấy xe mô tô Biển kiểm soát (BKS) 88S5 - 2314 của M để đi mua ma túy, nên Cơ quan điều tra không đề cập việc xử lý là phù hợp.

[7] Về vật chứng vụ án:

Đối với chiếc xe mô tô BKS: 88S5 – 2314, Cơ quan điều tra đã làm rõ là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Văn H, là bố đẻ của Nguyễn Văn M. Ông H không biết, không liên quan đến hành vi phạm tội của Phạm Văn D, ngày 15 tháng 12 năm 2020 Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô cho ông H là phù hợp.

Cần tịch thu, tiêu hủy mẫu A1 là 0,3317 gam cùng toàn bộ bao gói hoàn lại sau giám định và 01 vỏ bao thuốc lá thăng long màu vàng.

Tịch thu, bán sung công quỹ nhà nước của bị cáo D 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 130 màu đen (đã cũ), vì có liên quan đến hành vi phạm tội.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn D phạm tội: "Tàng trữ trái phép chất ma tuý".

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Văn D 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 09 tháng 10 năm 2020.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy mẫu A1 là 0,3317 gam cùng toàn bộ bao gói và 01 vỏ bao thuốc lá thăng long màu vàng.

Tịch thu, bán sung công quỹ nhà nước của bị cáo D 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 130 màu đen (đã cũ);

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 07 tháng 01 năm 2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên).

Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; buộc bị cáo Phạm Văn D phải nộp 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên;
- Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Phúc Yên;
- Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên;
- Cơ quan THA hình sự có thẩm quyền;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc
- Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Người tham gia tố tụng;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

LƯU THỊ THÚY